

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV21B2** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD		
1	21BTTV0193	Đỗ Nhật Lan	Anh	28/06/2006				8	7	8			6.0		6.6
2	21BTTV0194	Lâm Ngọc Lan	Anh	23/01/2006				9	8	9			8.0		8.2
3	21BTTV0195	Trương Văn	Các	02/07/2006				8	8	9			6.0		7.0
4	21BTTV0196	Trương Thị Diệu	Dăng	27/08/2006				9	8	8			7.0		7.5
5	21BTTV0197	Trần Thái	Dương	15/05/2006				8	8	8			9.0		8.6
6	21BTTV0198	Trần Thị Bảo	Duyên	24/04/2006				9	8	9			7.0		7.6
7	21BTTV0199	Võ Thị Minh	Giang	14/08/2006				7	6	7			6.0		6.2
8	21BTTV0200	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	14/11/2005				9	8	8			8.0		8.1
9	21BTTV0201	Nguyễn Thị Kiều	Hoa	02/02/2006				9	8	8			8.0		8.1
10	21BTTV0202	Nguyễn Văn	Lợi	24/04/2006				8	7	8			9.0		8.4
11	21BTTV0203	Huỳnh Thị Kim	Ngân	15/02/2004				9	8	9			8.0		8.2
12	21BTTV0205	Nguyễn Kim	Ngân	02/06/2006				8	7	8			8.0		7.8
13	21BTTV0206	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	08/11/2006				9	8	8			7.0		7.5
14	21BTTV0207	Trương Kim	Nguyên	18/12/2006				8	7	8			8.0		7.8
15	21BTTV0208	Trần Bảo	Phát	08/06/2006				8	8	9			7.0		7.6
16	21BTTV0209	Đỗ Thị Tố	Quyên	15/03/2006				9	8	9			8.0		8.2
17	21BTTV0210	Thạch Thảo	Quyên	10/01/2006				0	0	0			0.0	0.0	0.0
18	21BTTV0211	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	21/06/2006				8	7	8			8.0		7.8
19	21BTTV0212	Trần Ngọc Như	Quỳnh	02/12/2006				6	6	6			0.0	0.0	2.4
20	21BTTV0213	Thái Anh	Thư	08/09/2006				8	8	9			8.0		8.2
21	21BTTV0214	Lê Diệp Thuý	Tiên	11/10/2006				9	8	9			7.0		7.6
22	21BTTV0215	Phan Trường	Tiền	15/08/2006				8	6	8			6.0		6.5
23	21BTTV0216	Lê Ngọc	Trâm	22/12/2005				8	8	8			7.0		7.4
24	21BTTV0217	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	09/12/2005				6	6	6			0.0	0.0	2.4
25	21BTTV0218	Nguyễn Thị Kim	Trang	09/05/2006				9	8	8			8.0		8.1
26	21BTTV0219	Đỗ Thị Hoàng	Trinh	11/10/2006				8	7	8			8.0		7.8
27	21BTTV0220	Dương Thị Kim	Trúc	23/08/2006				7	7	7			7.0		7.0
28	21BTTV0221	Phạm Thị Kim	Tuyền	04/02/2006				8	7	8			7.0		7.2
29	21BTTV0222	Ngô Thái Ngọc	Vân	26/08/2006				7	6	7			7.0		6.8
30	21BTTV0224	Lâm Quang	Vinh	08/01/2006				8	8	8			9.0		8.6
31	21BTTV0225	Nguyễn Thị Cẩm	Vý	12/07/2006				9	8	9			7.0		7.6
32	21BTTV0226	Nguyễn Kim	Xuyến	04/11/2006				8	8	9			8.0		8.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 11 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Văn Thái